

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch xây dựng  
vùng huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2045**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù và các quy định của pháp luật có liên quan;*

*Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Báo cáo thẩm định số 9398/SXD-QH ngày 16 tháng 12 năm 2021 về việc đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2045 (kèm theo Tờ trình số 161/TTr-UBND ngày 14 tháng 12 năm 2021 của UBND huyện Quan Sơn).*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2045, với nội dung chính sau:

## **1. Phạm vi và ranh giới lập quy hoạch**

Phạm vi lập quy hoạch xây dựng vùng huyện Quan Sơn bao gồm toàn bộ địa giới huyện Quan Sơn (11 xã và 1 thị trấn), ranh giới xác định như sau:

- Phía Bắc giáp huyện Quan Hóa;
- Phía Nam giáp nước CHDCND Lào;
- Phía Đông giáp huyện Lang Chánh, Bá Thước;
- Phía Tây giáp nước CHDCND Lào.

## **2. Quy mô dân số**

- Dân số hiện trạng toàn huyện: 40.998 người; dân số đô thị khoảng: 5.366 người; tỷ lệ đô thị hóa đạt khoảng 13,1%.

- Dự báo dân số đến năm 2030: khoảng 46.000 người; dân số đô thị khoảng: 13.000 người; tỷ lệ đô thị hóa đạt: 28,2%.

- Dự báo dân số đến năm 2045: khoảng 55.000 người; dân số đô thị khoảng: 25.000; tỷ lệ đô thị hóa đạt: 45,4%.

## **3. Quy mô đất đai**

- Hiện trạng diện tích tự nhiên vùng huyện Quan Sơn là: 92.662,45ha.

- Dự báo đất xây dựng đô thị đến năm 2030 khoảng: 700 ha (chiếm 0,8% tổng diện tích tự nhiên); đến năm 2045 khoảng: 1.800 ha (chiếm 1,9% tổng diện tích tự nhiên).

## **4. Tính chất, chức năng**

- Là vùng trọng điểm bảo đảm an ninh - quốc phòng của tỉnh Thanh Hóa.

- Bảo vệ phát triển tài nguyên rừng và tài nguyên nước đầu nguồn. Là vùng sinh sống của đồng bào dân tộc thiểu số.

- Là cửa ngõ phía Tây của tỉnh Thanh Hóa với nước CHDCND Lào, có vai trò hỗ trợ và kết nối với các khu vực phụ cận thông qua hành lang kinh tế Quốc tế Đông - Tây và đường nối các huyện phía Tây Thanh Hóa. Là vùng phát triển đa ngành, đa lĩnh vực, trong đó lấy phát triển kinh tế cửa khẩu là định hướng phát triển ưu tiên.

## **5. Định hướng phát triển không gian vùng**

### **5.1. Mô hình phát triển không gian vùng**

Phát triển vùng huyện Quan Sơn theo mô hình: “một tuyến hành lang kinh tế” dọc Quốc lộ 217, có vai trò kết nối các khu đô thị và khu kinh tế (KKT) cửa khẩu.

- Phát triển 03 đô thị là trung tâm phát triển vùng gồm: (1) Khu trung tâm là thị trấn huyện lỵ Sơn Lư; (2) khu vực phía Tây là đô thị Na Mèo gắn với KKT cửa khẩu quốc tế; (3) khu phía Đông là đô thị Trung Hạ.

- Trên cơ sở tuyến QL217, hình thành hành lang phát triển kinh tế xuyên suốt theo chiều dài huyện từ đô thị Trung Hạ – thị trấn Sơn Lư – đô thị Na Mèo, phát triển các quỹ đất dọc tuyến đường để bố trí các khu chức năng đô thị, công nghiệp, thương mại dịch vụ, cửa khẩu Quốc tế và các khoảng không gian nông nghiệp là không gian mở.

- Hình thành và phát triển khu kinh tế cửa khẩu Na Mèo trở thành một cửa ngõ giao thương kinh tế - văn hóa quan trọng trong quan hệ hợp tác kinh tế Việt Nam – Lào; là động lực phát triển kinh tế vùng miền núi phía Tây tỉnh Thanh Hóa và tỉnh Hủa Phăn; là điểm đầu phía Tây của Hành lang phát triển Quốc tế của tỉnh Thanh Hóa, kết nối trực tiếp với CHK Thọ Xuân và KKT Nghi Sơn.

## **5.2. Định hướng phát triển**

Định hướng phát triển không gian vùng huyện Quan Sơn được đưa ra trên cơ sở nghiên cứu các đặc trưng về vị trí địa lý, địa hình địa mạo, hệ thống giao thông và các giá trị văn hóa lịch sử cùng với các tiềm năng, cơ hội phát triển vùng. Theo đó, giai đoạn 2021-2045, định hướng phát triển huyện Quan Sơn là nông nghiệp (nông sản, lâm sản...); phát triển CN-TTCN, xây dựng, Dịch vụ - du lịch gắn với KKT cửa khẩu là đột phá.

- Trên cơ sở đảm bảo quốc phòng an ninh, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và tài nguyên nước đầu nguồn, định hướng phát triển nông nghiệp (nông sản, lâm sản...) vẫn giữ vai trò quan trọng, chủ đạo trong phát triển kinh tế - xã hội; lực lượng lao động trong nông nghiệp chiếm tỷ trọng rất lớn trên địa bàn, do đó tiếp tục thực hiện hiệu quả chính sách về nông nghiệp, đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học – kỹ thuật vào sản xuất, tạo ra sản phẩm chất lượng cao. Xây dựng cơ sở chế biến từ nguồn nguyên liệu sẵn có trên địa bàn, chuyển đổi hình thức chăn nuôi từ chăn thả tự nhiên sang hình thức chăn nuôi gia trại, trang trại có kiểm soát dưới tán rừng.

- Đẩy mạnh phát triển công nghiệp – xây dựng, dịch vụ thương mại gắn với phát triển đô thị và KKT cửa khẩu quốc tế Na Mèo; ưu tiên phát triển các ngành, sản phẩm công nghiệp có giá trị gia tăng cao, công nghiệp chế biến lâm sản và một số ngành công nghiệp có nhiều lợi thế của huyện (khai thác, chế biến VLXD, CN chế biến,...) tạo sự chuyển biến mạnh mẽ hơn về cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động, việc làm.

- Khai thác và phát triển dịch vụ du lịch đặc biệt là du lịch cộng đồng gắn với việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc, các giá trị tự nhiên. Giữ gìn cảnh quan và bảo vệ môi trường; đồng thời, phát triển du lịch trở thành ngành dịch vụ kinh tế tổng hợp, bền vững lâu dài, đem lại lợi ích kinh tế - xã hội cho cộng đồng địa phương.

### **5.3. Xác định các phân vùng phát triển**

Toàn vùng huyện Quan Sơn được phân chia thành 03 tiểu vùng như sau:

- Phân vùng phía Tây: Gắn với khu kinh tế cửa khẩu, quốc phòng, an ninh của huyện Quan Sơn, gồm 04 xã: Na Mèo, Sơn Điện, Sơn Thủy, Mường Mìn. Có tổng diện tích khoảng 442,59 km<sup>2</sup>, dân số hiện trạng khoảng 15.251 người. Trong đó lấy đô thị Na Mèo là trung tâm vùng. Là vùng có vai trò quan trọng về đảm bảo quốc phòng, an ninh. Định hướng phát triển chủ đạo của vùng: theo hướng tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ thương mại gần KKT cửa khẩu quốc tế Na Mèo, du lịch cộng đồng gắn với khám phá thiên nhiên, lịch sử văn hoá của địa phương; du lịch thương mại cửa khẩu.

- Phân vùng trung tâm: Là trung tâm chính trị, kinh tế - xã hội của huyện Quan Sơn, gồm thị trấn Sơn Lư và 03 xã: Sơn Hà, Tam Thanh, Tam Lư, có tổng diện tích khoảng 215,02km<sup>2</sup>, dân số hiện trạng khoảng 14.711 người, trong đó lấy thị trấn Sơn Lư là trung tâm vùng. Là khu vực trung tâm, có thị trấn huyện lỵ Sơn Lư là đô thị trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa, an ninh quốc phòng của huyện Quan Sơn.

- Phân vùng phía Đông: Là khu vực cửa ngõ phía Đông của huyện Quan Sơn, gồm 04 xã Trung Xuân, Trung Tiến, Trung Hạ, Trung Thượng, có diện tích khoảng 180,0km<sup>2</sup>, dân số hiện trạng khoảng 11.036 người, trong đó lấy đô thị Trung Hạ là trung tâm vùng. Là khu vực có các tuyến giao thông quan trọng (như đường tỉnh 530B, tuyến Nam Động - Sông Lò). Định hướng phát triển chủ đạo của vùng: theo hướng nông nghiệp, dịch vụ thương mại, tiểu thủ công nghiệp.

### **5.4. Xác định các vùng kiểm soát, quản lý phát triển**

Toàn huyện Quan Sơn chia thành 03 tiểu vùng kiểm soát, quản lý phát triển được cụ thể hóa thành các vùng như sau:

- Vùng phát triển: Gồm các khu vực dự kiến hình thành KKT cửa khẩu Quốc tế Na Mèo (trong đó bao gồm thị trấn Sơn Lư; đô thị Na Mèo) và đô thị Trung Hạ; để tập trung phát triển có trọng tâm, tránh phân tán, dàn trải.

- Vùng hạn chế phát triển: khu vực khoanh vùng bảo vệ các di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh đã được công nhận. Các khu vực sản xuất nông nghiệp, chủ yếu phát triển các điểm dân cư nông thôn theo nhu cầu thực tế để

góp phần giữ ổn định đất nông nghiệp, lưu giữ các giá trị văn hóa, cảnh quan thiên nhiên.

- Vùng cấm phát triển: bao gồm các khu vực quốc phòng, an ninh; rừng phòng hộ; khu vực có nguy cơ bị sạt lở và khu vực thuộc hành lang thoát lũ của hệ thống sông Lò, sông Luông, khu vực hang động, suối, thác nước, các khu vực có cảnh quan thiên nhiên đẹp và khu vực dòng chảy cần được bảo vệ.

## **5.5. Phân bố và tổ chức không gian phát triển vùng**

### **5.5.1. Định hướng vùng phát triển đô thị**

\* Định hướng đến năm 2030, huyện Quan Sơn có 02 đô thị, bao gồm:

#### **(1) Thị trấn Sơn Lư:**

- Phạm vi ranh giới: Bao gồm toàn bộ diện tích tự nhiên của thị trấn Sơn Lư. Tổng diện tích: 5.408ha.

- Dân số hiện trạng (năm 2020): 5.366 người; dự báo đến năm 2030 dân số khoảng 7.500 người.

- Tính chất: Là thị trấn huyện lỵ, trung tâm hành chính, chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, khoa học kỹ thuật của huyện Quan Sơn; Là đầu mối dịch vụ thương mại tổng hợp của huyện Quan Sơn và vùng phụ cận.

#### **(2) Quy hoạch mới đô thị Na Mèo**

- Phạm vi ranh giới: Bao gồm toàn bộ diện tích tự nhiên của xã Na Mèo. Tổng diện tích: 12.744,15ha.

- Dân số hiện trạng (năm 2020): 3.934 người; dự báo đến năm 2030 dân số khoảng 5.500 người.

- Tính chất: Là đô thị loại V, có chức năng là trung tâm dịch vụ, thương mại, du lịch, công nghiệp-TTCN gắn với KKT cửa khẩu Quốc tế Na Mèo; có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội vùng phía Tây huyện Quan Sơn và khu vực lân cận.

\* Định hướng đến năm 2045, huyện Quan Sơn có 03 đô thị. Bao gồm:

(1) Thị trấn Sơn Lư dự báo dân số năm 2045 khoảng 10.000 người.

(2) Đô thị Na Mèo dự báo dân số năm 2045 khoảng 7.500 người.

(3) Dự kiến thành lập thêm đô thị mới Trung Hạ (gồm xã Trung Hạ và xã Trung Xuân), phù hợp với định hướng phát triển hệ thống đô thị theo quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 đang được lập, trình thẩm định, phê duyệt.

- Phạm vi ranh giới: Bao gồm diện tích tự nhiên xã Trung Hạ, xã Trung Xuân, diện tích lập quy hoạch khoảng 8481ha.

- Dân số hiện trạng: 5.484 người; dự báo đến năm 2045 là 7.500 người.

- Tính chất: Là đô thị loại V, có chức năng là trung tâm dịch vụ, thương mại, tiêu thụ công nghiệp, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội vùng phía Đông huyện Quan Sơn và khu vực lân cận.

#### 5.5.2. Định hướng phát triển các điểm dân cư nông thôn

Xây dựng các bản nông thôn mới, bản nông thôn mới kiểu mẫu, tiến tới hình thành xã nông thôn mới nâng cao theo chương trình xây dựng nông thôn mới của tỉnh.

##### a) Quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới

- Lập quy hoạch chung xây dựng các xã trên địa bàn huyện làm cơ sở để cụ thể hóa quy hoạch xây dựng vùng huyện, xác định các khu chức năng, hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội cấp xã....

- Phát triển các khu trung tâm xã theo hướng tập trung thành cụm công trình, đảm bảo bán kính phục vụ thuận lợi; trong đó, lưu ý dành quỹ đất thích hợp để phát triển các khu vực trung tâm xã có vị trí, vai trò quan trọng với các xã lân cận như xã Sơn Điện, Tam Thanh.

- Các khu dân cư mới phát triển theo cụm nhằm sử dụng hiệu quả hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội ưu tiên gắn với các khu trung tâm xã, các khu vực có giao thông kết nối thuận lợi.

- Dành quỹ đất để bố trí các khu dịch vụ hỗ trợ sản xuất nông nghiệp gắn với các khu thương mại, liên kết thuận lợi với khu vực sản xuất.

- Các dịch vụ hỗ trợ sản xuất nông nghiệp bao gồm:

+ Sản xuất công nghiệp: Chủ yếu là chế tạo nông cụ và chế biến lâm sản;

+ Thương mại: Chủ yếu là chuyên doanh bán tạp hóa, vật tư nông nghiệp;

+ Dịch vụ sản xuất nông nghiệp: Chủ yếu là khuyến nông, bảo vệ thực vật, thú y, dịch vụ thị trường.

- Tái cấu trúc các làng, bản dân cư truyền thống gắn với đảm bảo quốc phòng an ninh, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và tài nguyên nước đầu nguồn; trồng rừng và bảo vệ rừng đầu nguồn; sản xuất nông nghiệp; bảo tồn và khôi phục các giá trị bản sắc văn hóa truyền thống, đồng thời thu hút du lịch.

##### b) Đối với các khu vực có nguy cơ thiên tai

- Di dời và bố trí tái định cư cho các hộ dân vùng có nguy cơ bị lũ ống, lũ quét, sạt lở đất đến nơi an toàn, bao gồm các hộ dân thuộc 12 xã, thị trấn dọc sông Luông, sông Lò và các khu vực sườn núi có nguy cơ bị sạt lở.

(Thực hiện theo phương án số 09/PA-UBND ngày 26/7/2021 của UBND huyện Quan Sơn về phương án Phòng, chống thiên tai và huy động lực lượng, vật tư, phương tiện, hậu cần phục vụ công tác PCTT, TKCN và PTDS huyện Quan Sơn năm 2021; Đề án sắp xếp, ổn định dân cư khu vực có nguy cơ cao xảy ra lũ ống, lũ quét, sạt lở đất tại các huyện miền núi của tỉnh giai đoạn 2021-2025, được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 4845/QĐ-UBND ngày 01/12/2021).

## 5.6. Định hướng các không gian phát triển kinh tế

### 5.6.1. Phân bố không gian phát triển công nghiệp

- Giai đoạn đến năm 2030: Giữ nguyên quy mô CCN Trung Hạ theo Quy hoạch cụm công nghiệp toàn tỉnh; thực hiện và bổ sung thêm 03 CCN mới để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế của huyện Quan Sơn.

- Giai đoạn sau năm 2030 đến năm 2045: Tăng quy mô CCN Trung Hạ lên 30ha; CCN Mường Mìn (tăng từ 10ha lên 20ha), bổ sung mới CCN Sơn Thủy, CCN Sơn Điện để đáp ứng nhu cầu và phù hợp với định hướng phát triển KKT cửa khẩu Na Mèo; phù hợp tình hình phát triển của huyện.

Bảng Thống kê định hướng phát triển các CCN đến năm 2045

TT	Tên	Địa điểm xây dựng	Quy mô đến năm 2030 (ha)	Quy mô đến năm 2045 (ha)	Ghi chú
<b>I</b>	(CCN theo Quyết định số 2888/QĐ-UBND ngày 09/8/2017 của UBND tỉnh)				
	CCN Trung hạ	Xã Trung Hạ	20	30	Mở rộng
<b>II</b>	(Đề xuất bổ sung CNN mới vào QH phát triển Cụm CN tỉnh Thanh Hóa)				
1	CCN Na Mèo	Xã Na Mèo	20	20	
2	CCN Sơn Điện	Xã Sơn Điện		50	Sau năm 2030 thành lập
3	CCN Mường Mìn	Xã Mường Mìn	10	20	Sau năm 2030 mở rộng
4	CCN Sơn Thủy	Xã Sơn Thủy		30	Sau năm 2030 thành lập
5	CCN Trung Xuân	Xã Trung Xuân	5	5	
	<b>Tổng diện tích</b>		<b>55</b>	<b>155</b>	

Tổng diện tích các cụm công nghiệp trên địa bàn huyện đến năm 2045 khoảng 155 ha, thu hút khoảng 12.000 lao động, ưu tiên sử dụng lao động người địa phương.

Định hướng các ngành nghề ưu tiên thu hút đầu tư:

- May mặc, da giày (để giải quyết lao động).
- Công nghiệp chế biến lâm, nông sản, thực phẩm; công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng, công nghiệp năng lượng.

#### 5.6.2. Hệ thống công trình thương mại dịch vụ

- Trung tâm thương mại đầu mối chính của vùng, xây dựng tại 03 đô thị (thị trấn Sơn Lư, Na Mèo, Trung Hạ); 02 trung tâm cụm xã (Sơn Điện, Tam Thanh) với chức năng là trung tâm phân luồng hàng hoá và đầu mối các hoạt động thương mại và dịch vụ xã hội chính cho huyện.

- Xây dựng 02 chợ hạng 2 tại thị trấn Sơn Lư và xã Na Mèo. Các chợ xã, chợ khu vực khác được cải tạo và mở rộng tạo điều kiện cho doanh nghiệp, hộ kinh doanh trên địa bàn huyện có cơ hội kinh doanh mở rộng thị trường. Tiếp tục nâng cấp hạ tầng kỹ thuật chợ.

#### 5.6.3. Không gian phát triển du lịch

Tập trung phát triển loại hình du lịch văn hóa, trải nghiệm, du lịch cộng đồng trên cơ sở khai thác hiệu quả các tài nguyên du lịch như: văn hóa lễ hội Mường Xía; ruộng bậc thang, động Bo Cúng, đền thờ Tư Mã Hai Đào, thác bản Nhài và các điểm du lịch, di tích.

Hình thành 02 tuyến du lịch Quốc tế kết nối các khu vực trong tỉnh Thanh Hóa và khu vực lân cận:

- Tuyến du lịch qua các tuyến giao thông gồm: QL47, Đ. Hồ Chí Minh, QL15 và QL217 kết nối: Du lịch biển Sầm Sơn - Khu di tích lịch sử Lam Kinh (Thọ Xuân) – Bản Khạn (Trung Thượng) - Động Nang Non (thị trấn Sơn Lư) – Bản Ngâm, Thác bản Nhài (Sơn Điện)- cửa khẩu Quốc tế Na Mèo - Viênng Xay - Luông Pha Băng.

- Tuyến du lịch qua các tuyến QL16 và QL15 kết nối: Mai Châu (Hòa Bình) – Khu bảo tồn thiên nhiên Pù luông (Bá Thước) - Pù Hu (Quan Hóa) – Động Bo Cúng - Đền thờ Tư Mã Hai Đào (Quan Sơn) – cửa khẩu Na Mèo - Viênng Xay (CHDCND Lào).



Hình thành các tuyến du lịch nội huyện và liên huyện, gồm:

- Tuyến Bản Ngàm - Đền thờ Tư Mã Hai Đào - Chợ cửa khẩu Quốc tế Na Mèo.

- Tuyến Bản Khạn - di tích cầu Phà Lò - động Nang Non - chùa Viên Quang - ngắm cánh đồng bản Tân Sơn (Sơn Điện) - Chợ cửa khẩu Quốc tế Na Mèo.

- Tuyến Chợ cửa khẩu Quốc tế Na Mèo - động Bo Cúng - bản Chanh - Quan Hóa.

- Tuyến di tích cầu Phà Lò - điểm du lịch thị trấn Sơn Lư - thác bản Nhài - bản Bôn (Mường Mìn) - đền thờ Tư Mã Hai Đào - Quan Hóa.

- Tuyến Bản Khạn (Trung Thành) - động Nang Non - đền thờ Tư Mã Hai Đào - động Bo Cúng;

- Tuyến thị trấn Sơn Lư - bản Ngàm - thác bản Nhài - động Bo Cúng - bản Chanh;

- Tuyến Chợ cửa khẩu Na Mèo - đền thờ Tư Mã Hai Đào - bản Ngàm - bản Xuân Sơn (Sơn Điện) - KBT các loài hạt trần Nam Động.

- Tuyến Chợ cửa khẩu Na Mèo - bản Bôn (Mường Mìn) - thác bản Nhài - bản Xuân Sơn (Sơn Điện) - KBT các loài hạt trần Nam Động;

- Tuyến động Nang Non - chợ Trung Hạ - bản Khạn (Trung Thượng) - H. Bá Thước.

- Tuyến Bản Bôn (Mường Mìn) – thác bản Nhài – thị trấn Sơn Lư – bản Khạn (Trung Thượng).

Các tuyến theo chủ đề:

\* Chủ đề khám phá thiên nhiên:

Tuyến Bản Khạn (Trung Thượng) –du lịch sinh thái thị trấn Sơn Lư – động Nang Non – động Bo Cúng – Chợ biên giới Na Mèo.

Tuyến Chợ biên giới Na Mèo – thác bản Nhài – bản Bôn (Mường Mìn) – động Bo Cúng – bản Chanh.

Tuyến động Nang Non – thác bản Nhài – bản Chung Thủy – động Bo Cúng.

\* Chủ đề tìm hiểu văn hóa:

Tuyến bản Khạn (Trung Thượng) – di tích cầu Phà Lò – điểm du lịch cộng đồng thị trấn Sơn Lư – chùa Viên Quang – bản Ngàm – đền thờ Tư Mã Hai Đào.

Tuyến Chợ cửa khẩu Quốc tế Na Mèo – đền thờ Tư Mã Hai Đào – bản Ngàm – bản Xuân Sơn (Sơn Điện).

#### 5.6.4. Định hướng phát triển nông nghiệp.

Các vùng nông nghiệp (trồng cây lương thực, trồng rừng, cây lâu năm...) được tổ chức phù hợp điều kiện tự nhiên như địa hình đồi núi, nguồn nước, vùng rừng. Bố trí sử dụng đất nông nghiệp theo hướng tập trung, chuyên canh, tạo ra sản phẩm hàng hóa và cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp; duy trì và bảo vệ nghiêm ngặt diện tích đất trồng lúa nước cần thiết để đảm bảo an ninh lương thực.

- Khu vực trồng lúa (tại 12 xã, thị trấn): Hạn chế chuyển đổi mục đích sử dụng đất từ diện tích chuyên trồng lúa; Sử dụng các biện pháp như thâm canh tăng vụ, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, giống mới.... trên những diện tích đang sử dụng.

- Khu vực đất trồng cây hàng năm khác: Đây là loại hình sử dụng rất đa dạng, có thể phát triển trên diện rộng.

- Khu vực trồng cây lâu năm: Phân bố tập trung ở các xã: Sơn Điện, Tam Thanh, Mường Mìn. Đất ở khu vực các xã này rất hiệu quả cho cây công nghiệp ngắn ngày và dài ngày

- Khu vực lâm nghiệp: Quan Sơn có diện tích rừng lớn với khoảng diện tích rừng hỗn giao có cây nứa, cây vầu là gần 15.700 ha; rừng trồng nứa, vầu hơn 24.800 ha chiếm tới gần 49% diện tích rừng của toàn huyện. Khu vực rừng sản xuất được khoanh trồng, khai thác, chế biến và trở thành nguyên liệu ngành công nghiệp có quy mô (giấy, ván, gỗ ép, đồ mỹ nghệ....). Đất rừng sản xuất phân bố tập trung ở các xã: Na Mèo, Sơn Thủy, Tam Thanh, Sơn Điện, Mường Mìn.

#### 5.6.5. Định hướng phát triển KKT cửa khẩu Quốc tế Na Mèo

\* Giai đoạn đến năm 2030:

- Hoàn thiện đề án KKTCK Na Mèo; Từng bước mở rộng, phát triển cơ sở hạ tầng của KKTCK, trước hết là tập trung hoàn thiện một số hạng mục chính của khu vực cửa khẩu.

- Thành lập KTTCK Na Mèo theo đề án được cấp thẩm quyền phê duyệt, với quy mô dự kiến là gồm 05 đơn vị hành chính là các xã Na Mèo, Sơn Thủy, Mường Min, Sơn Điện và thị trấn Sơn Lư.

- Quy mô diện tích: khoảng 499km<sup>2</sup>. Quy mô dân số: 20.804 người.

\* Giai đoạn sau năm 2030 đến năm 2045:

Xây dựng và phát triển KTTCK Na Mèo theo đề án thành lập KTTCK Na Mèo được cấp thẩm quyền quyết định.

## **5.7. Định hướng phát triển cơ sở hạ tầng xã hội**

### 5.7.1. Hệ thống công trình hành chính – chính trị

- Khu trung tâm hành chính - Chính trị cấp huyện: Trung tâm cấp huyện gồm trụ sở Huyện ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, các cơ quan đoàn thể của Huyện đã được cải tạo chỉnh trang đáp ứng theo quy định.

- Khu trung tâm hành chính - chính trị cấp xã, thị trấn: được xây dựng và cải tạo, chỉnh trang mới đồng bộ; đảm bảo quy mô, tiêu chuẩn theo quy định, bao gồm các công trình như: công sở xã, công an, xã đội, hội trường, trung tâm văn hóa, sân vận động, trạm y tế, các cơ sở giáo dục cấp xã...

### 5.7.2. Hệ thống công trình phát triển y tế

Xây dựng hoàn thiện mạng lưới y tế cấp cơ sở theo các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành.

- Đến năm 2030: Bệnh viện đa khoa Quan Sơn là 250 giường, Nâng cấp phòng khám đa khoa Na mèo thành bệnh viện đa khoa quy mô khoảng 100 giường;

- Đến năm 2045: Tăng tỷ lệ giường bệnh của các cơ sở y tế trên địa bàn huyện. Hoàn thiện hệ thống y tế từ tuyến huyện đến tuyến xã trên địa bàn huyện Quan Sơn đảm bảo tiêu chuẩn đô thị 40 giường bệnh/10.000 dân; tổng quy mô đạt 500 giường bệnh:

+ Mở rộng bệnh viện đa khoa huyện Quan Sơn quy mô 300 giường.

+ Bệnh viện đa khoa Na Mèo 200 giường.

### 5.7.3. Hệ thống công trình giáo dục, đào tạo

Các trường Trung học phổ thông hiện có, trung tâm giáo dục nghề nghiệp và giáo dục thường xuyên Quan Sơn được giữ nguyên, mở rộng quy mô đủ đáp ứng với sự phát triển dân số theo từng giai đoạn.

- Sáp nhập trường tiểu học Trung Xuân vào trường THCS Trung Xuân. Di chuyển trường tiểu học Tam Thanh đến nơi mới và dành đất cho Trường Mầm Non Tam Thanh; di chuyển trường tiểu học thị trấn tại bản Păng thị trấn Sơn Lư đến nơi mới và nhường đất lại cho trường trung học và trường mầm non thị trấn Sơn Lư.

- Nâng cấp mở rộng trường THPT bán trú;

- Các cơ sở giáo dục khác trên địa bàn huyện cơ bản ổn định, cải tạo.

#### 5.7.4. Hệ thống công trình thể dục thể thao - văn hóa

Hoàn chỉnh hệ thống các công trình văn hóa, thể dục thể thao theo tầng bậc ở cấp huyện, các đô thị và các điểm dân cư nông thôn tại huyện Quan Sơn. Trong đó:

- Hệ thống công trình cấp huyện (tính cho quy mô dân số khoảng 55.000 dân): Trung tâm văn hóa huyện (quy mô tối thiểu 0,5ha/công trình); rạp chiếu phim (quy mô tối thiểu 0,15ha/công trình); Thư viện (quy mô tối thiểu 500m<sup>2</sup>/công trình).

- Hệ thống công trình cấp thị trấn, các xã :

+ Tại khu vực các đô thị, thị trấn: Bố trí trung tâm văn hóa – thể thao (quy mô tối thiểu 3,0ha/công trình), cung thiếu nhi (quy mô tối thiểu 1,0ha/công trình); sân thể thao cơ bản (quy mô tối thiểu 1,0ha/công trình).

+ Tiếp tục hoàn chỉnh hệ thống các công trình văn hóa, thể dục thể thao cấp xã (quy mô tối thiểu 0,1-0,3ha/công trình).

## **6. Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật vùng huyện**

### **6.1. Định hướng quy hoạch phát triển hệ thống giao thông**

#### a) Quốc lộ

- Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 217 đạt tiêu chuẩn cấp IV-III, quy mô 2 làn xe.

- Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 16 đạt tiêu chuẩn tối thiểu đường cấp IV miền núi, quy mô 2 làn xe.

#### b) Đường tỉnh

\* Giai đoạn đến năm 2030: huyện Quan Sơn có 6 tuyến đường tỉnh, gồm:

- Cải tạo, nâng cấp đường tuần tra biên giới có chiều dài 84 km chạy dọc biên giới Việt – Lào từ cửa khẩu quốc tế Na Mèo qua các xã Na Mèo; Mường Mìn; Sơn Điện; Tam Thanh; Tam Lư và Sơn Hà đạt tiêu chuẩn tối thiểu đường cấp IV miền núi.

- Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 530B đạt quy mô đường cấp III, miền núi.

- Nâng cấp đường nối QL217 và QL15C (Hồi Xuân - Tén Tằn) từ Sông Lò huyện Quan Sơn đến Nam Động huyện Quan Hóa đạt tiêu chuẩn tối thiểu đường cấp IV;

- Nâng cấp đường tuần tra cơ động kết hợp kinh tế - xã hội từ Km 42-QL217 đi mốc biên giới H5 đạt tiêu chuẩn tối thiểu đường cấp IV miền núi.

- Xây dựng mới đường tuần tra biên giới (đoạn từ cửa khẩu quốc tế Na Mèo đi ra các mốc 320, 321, 322, 323) đạt tiêu chuẩn tối thiểu đường cấp IV miền núi.

- Nâng cấp đường giao thông từ quốc lộ 217 (xã Mường Mìn) đi đồn biên phòng Mường Mìn và từ Đồn biên phòng Mường Mìn đi đường tuần tra biên giới đạt quy mô tối thiểu đường cấp IV miền núi.

\* Giai đoạn đến năm 2045: Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường tỉnh đạt tiêu chuẩn tối thiểu đường cấp III miền núi, quy mô 2-4 làn xe.

#### c) Đường huyện

- Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nối từ Quốc lộ 16 đi bản Bo, bản Hiềng xã Na Mèo, huyện Quan Sơn đạt quy mô đường cấp IV miền núi, kết cấu mặt đường bê tông nhựa.

- Cải tạo, nâng cấp đường giao thông Trung Thượng - Sơn Lư đạt quy mô đường cấp IV miền núi, kết cấu mặt đường bê tông nhựa.

- Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nối từ QL217 đi xã Trung Xuân đạt quy mô đường cấp IV miền núi, kết cấu mặt đường bê tông nhựa.

- Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nối từ xã Trung Xuân đi quốc lộ 15 (Quan Hóa) đạt quy mô đường cấp IV miền núi, kết cấu mặt đường bê tông nhựa.

- Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nối từ QL217 đi xã Tam Lư, huyện Quan Sơn đạt quy mô đường cấp IV, miền núi, kết cấu mặt đường bê tông nhựa.

d) Giao thông tĩnh, giao thông công cộng

- Giữ nguyên bến xe khách tại khu 5 thị trấn Sơn Lư với diện tích 0,5 ha, là bến xe loại IV.

- Bố trí thêm 2 bến xe khách tại xã Na Mèo và xã Tam Thanh với diện tích 0,5 ha đạt tiêu chuẩn bến xe loại IV.

## **6.2. Định hướng phát triển chuẩn bị kỹ thuật**

a) Định hướng san nền:

Theo địa hình tự nhiên, chỉ san lấp cục bộ nền xây dựng công trình, đảm bảo cốt nền các khu vực này cao hơn mực nước lũ cao nhất của sông Lò, sông Luồng tại khu vực đó. Các khu vực xây dựng dưới sườn dốc được thiết kế hệ thống mương đón nước và dẫn vào khu vực thu nước.

- Đối với khu vực dân cư đô thị và điểm dân cư nông thôn (hiện trạng đã ổn định và có mở rộng): Giữ nguyên cao độ nền hiện có (san lấp cục bộ) tránh ngập úng.

- Đối với khu vực đô thị xây dựng mới: Những khu vực phát triển đô thị và các điểm dân cư quy hoạch san gạt, đào đắp đảm bảo cao độ tính toán từng đô thị; Cao độ nền trung bình với thị trấn Sơn Lư là khoảng 130m-160m; Đô thị Na Mèo là khoảng 300m- 400m; Đô thị Trung Hạ khoảng 100m-120m (các chỉ tiêu cụ thể về cao độ sẽ được làm rõ trong bước lập quy hoạch chung xây dựng).

- Đối với điểm dân cư nông thôn mới: san lấp cục bộ các ô đất xây dựng công trình. Do địa hình dốc nên san lấp nền dạng giạt cấp theo từng lô quy hoạch, kết hợp bố trí taluy kết hợp đường giao thông để đảm bảo độ dốc nền hợp lý, giảm khối lượng đào đắp.

b) Định hướng thoát nước:

- Đối với các khu vực đô thị: Xây dựng hệ thống mạng lưới thoát nước cục bộ, xả ra các mương tiêu dọc đường, các suối, khe gần nhất, đổ xuống sông Luồng, sông Lò.

- Đối với khu vực nông thôn hệ thống thoát nước hoàn toàn chảy tự nhiên dọc theo đường, chảy vào các suối, khe, đổ xuống sông Luồng, sông Lò.

### 6.3. Cung cấp năng lượng

Nguồn điện: Huyện Quan Sơn được cấp điện từ hệ thống lưới điện Quốc Gia thông qua trạm 110kV Quan Sơn xây dựng mới.

#### a) Trạm biến áp (TBA):

TBA 110kV Quan Sơn: Xây dựng mới 01 trạm biến áp 110kV, công suất  $S=2 \times 25\text{MVA}$ , vị trí trạm dự kiến đặt tại xã Trung Thượng, máy T1 đi vào hoạt động năm 2024, máy T2 đi vào hoạt động giai đoạn 2030÷2035.

#### b) Nhà máy thủy điện:

Định hướng đến năm 2045, huyện Quan Sơn có 06 nhà máy thủy điện (TĐ), gồm:

- Duy trì hoạt động của nhà máy thủy điện Trung Xuân, công suất 10,5 MW đang cấp điện cho Quan Hóa.

- Nghiên cứu xây dựng mới các thủy điện vừa và nhỏ (theo phương án quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045) phát lên lưới 35kV của huyện, gồm: (1) TĐ Sơn Lư, công suất  $S = 7,0 \text{ MW}$ ; (2) TĐ Tam Thanh, công suất  $S = 7,0 \text{ MW}$ ; (3) TĐ Sơn Điện, công suất  $S = 13 \text{ MW}$ ; (4) TĐ Mường Mìn, công suất  $S = 13 \text{ MW}$ ; (5) TĐ bản Khả, công suất  $S = 7,0 \text{ MW}$ .

#### c) Lưới điện:

Xây dựng mới đường dây 110kV từ thủy điện Bá Thước 1 và trạm 110kV Bá Thước cấp tới trạm 110kV Quan Sơn.

- Lưới điện trung áp 35kV, 22kV: Toàn huyện được cấp điện bởi lưới điện 35kV và 22kV từ trạm 110kV Quan Sơn mới và các thủy điện quy hoạch mới tạo thành mạch vòng kín.

- Tập trung phát triển lưới điện 22kV tại khu vực đô thị. Tuyến điện trung áp xây dựng mới có kết cấu tuyến như sau:

- + Đối với khu vực nội thị, khu đô thị mới đường trục chính dây dẫn tiết diện  $\geq 150 \text{ mm}^2$ , đường nhánh dây dẫn tiết diện  $\geq 95 \text{ mm}^2$ ;

- + Đối với khu vực nông thôn, miền núi đường trục chính dây dẫn tiết diện  $\geq 120 \text{ mm}^2$ , đường nhánh dây dẫn tiết diện  $\geq 70 \text{ mm}^2$ ;

- + Tuyến điện thiết kế chủ yếu dọc theo các đường giao thông và các triền núi.

#### **6.4. Hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động**

- Dự báo đến năm 2045 toàn huyện có tổng đường dây thuê bao là: 12.100 đường dây thuê bao.

- Điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng: Tiếp tục duy trì nâng cấp các điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng tại các trung tâm giao dịch viễn thông, các Bưu cục cấp II, cấp III, điểm bưu điện - văn hóa xã, đồng thời xây dựng 01 điểm BĐ-VH xã tại xã Trung Thượng, đáp ứng nhu cầu cung cấp các dịch vụ bưu chính, viễn thông công cộng;

- Mạng điện thoại cố định, Internet cố định: Nâng cấp các trạm chuyển mạch cố định, trạm truy nhập quang hiện có; Đầu tư xây dựng mới các trạm truy nhập quang tại các khu đô thị mới, cụm công nghiệp mới, đáp ứng nhu cầu cung cấp dịch vụ viễn thông, Internet, truyền hình qua mạng viễn thông;

- Mạng thông tin di động: Đầu tư xây dựng mới các cột ăng ten thu phát sóng thông tin di động 4G/5 G và thế hệ mới sau 5G tại khu dân cư hiện hữu và các khu dân cư mới, các cụm công nghiệp mới, khi lập các đồ án quy hoạch.

- Mạng truyền dẫn: Đầu tư xây dựng mới các tuyến cáp quang ngầm dọc các tuyến giao thông đường bộ xây dựng mới, đấu nối các trạm viễn thông huyện Quan Sơn với các trạm HOST trung tâm của tỉnh;

- Đối với các hệ thống cáp viễn thông hiện hữu, thực hiện cải tạo, chỉnh trang đảm bảo mỹ quan và an toàn cho người dân theo lộ trình: Loại bỏ các đường dây cáp, sợi cáp không còn sử dụng; Thực hiện bó gọn, gia cố hệ thống dây cáp; Hạ ngầm các tuyến cáp treo thuộc các khu vực trung tâm đô thị; Hạ ngầm các tuyến cáp treo tại các ngã tư, nút giao thông và các tuyến cáp cắt ngang qua đường giao thông.

- Quỹ đất để xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động: Bố trí quỹ đất để xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động khi quy hoạch giao thông, quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị, đáp ứng nhu cầu cung cấp các dịch vụ viễn thông phục vụ nhu cầu sinh hoạt dân cư và phục vụ sản xuất, kinh doanh;

- Khi lập QHC đô thị, QHC xây dựng xã cần phải lưu ý tính toán xây dựng vị trí các trạm BTS phù hợp với nhu cầu đất để xây dựng nhà trạm, cột ăng ten. Diện tích 01 trạm viễn thông xây dựng mới là: 150m<sup>2</sup>; Diện tích xây dựng cột ăng ten là 80 m<sup>2</sup>.



### 6.5. Định hướng cấp nước

- Nhu cầu cấp nước: Nhu cầu sử dụng nước toàn huyện giai đoạn năm 2030 là 4.810 m<sup>3</sup>/ngđ; giai đoạn năm 2045 là 10.610 m<sup>3</sup>/ngđ.

- Nguồn cấp nước: Nguồn cấp nước cho khu vực vùng huyện Quan Sơn lấy từ sông Luông, sông Lò và các khe suối.

- Nhà máy nước: Xây dựng 06 nhà máy nước, tổng công suất 13.000 m<sup>3</sup>/ngđ, bao gồm:

TT	Nhà máy nước	Công suất		Cấp nước cho đô thị, xã
		GD 2030	GD 2045	
1	NMN Sơn Lư	1.600	3.000	TT Sơn Lư, xã Sơn Hà, Trung Thượng
2	NMN Na Mèo	2.200	3.000	ĐT Na Mèo
3	NMN Mường Mìn	1.100	2.300	Xã Mường Mìn, xã Sơn Điện
4	NMN Trung Hạ	1.200	2.000	Xã Trung Hạ, Trung Tiến, Trung Xuân
5	NMN Tam Thanh	600	1.000	Xã Tam Thanh, Xã Tam Lư
6	NMN Sơn Thủy	300	700	Xã Sơn Thủy
	<b>Cộng</b>	<b>7.000</b>	<b>13.000</b>	

### 6.6. Định hướng thoát nước thải, quản lý chất thải rắn

#### a) Định hướng thoát nước thải

- Lượng nước thải phát sinh toàn huyện: Giai đoạn 2030 là 5.830 m<sup>3</sup>/ngđ ; Giai đoạn 2045 là 10.010 m<sup>3</sup>/ngđ.

- Lượng nước thải thu gom xử lý toàn huyện: Giai đoạn 2030 là 4.340 m<sup>3</sup>/ngđ ; Giai đoạn 2045 là 9.700 m<sup>3</sup>/ngđ;

#### b) Phương án thoát nước thải

- Nước thải sinh hoạt dân cư: Do điều kiện địa hình là vùng núi cao, dân cư ở thưa (mật độ dân số hiện tại 44 người/km<sup>2</sup>), cho nên chỉ thu gom, xử lý nước thải khu vực đô thị và khu vực có cụm công nghiệp (CCN) tập trung. Phần còn lại đề nghị khuyến khích các hộ dân cư xây dựng bể tự hoại.

- Nước thải công nghiệp, y tế được xử lý 100 %, tại khu vực, đảm bảo yêu cầu vệ sinh theo quy định trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước chung.

- Nhà máy xử lý nước thải: Xây dựng 04 nhà máy xử lý nước thải tập trung toàn huyện. Gồm:

TT	Nhà máy xử lý nước thải	Công suất		Thoát nước cho các đô thị, CCN
		GD 2030	GD 2045	
1	Thị trấn Sơn Lư	900	1.600	TT Sơn Lư
2	ĐT Na Mèo	1.600	3.000	ĐT Na Mèo, CCN Na Mèo, CCN Sơn Thủy
3	CCN Mường Mìn	800	2.600	Xã Mường Mìn, xã Sơn Điện; CCN Mường Mìn, CCN Sơn Điện
4	ĐT Trung Hạ	1.000	2.500	ĐT Trung Hạ, CCN Trung Hạ
	<b>Cộng</b>	<b>4.300</b>	<b>9.700</b>	

### b) Định hướng quản lý chất thải rắn

Xây dựng 02 khu xử lý CTR tại khu vực xã Na Mèo và thị trấn Sơn Lư (Theo Quyết định số 1592/QĐ-UBND ngày 08/5/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa).

### 6.7. Định hướng quy hoạch hệ thống nghĩa trang

- Đối với nghĩa địa hiện có: Quy tập, di dời các khu vực có mồ mả trong đô thị và các khu nghĩa địa nhỏ lẻ xen lẫn trong đất canh tác, khu dân cư đến các nghĩa trang theo quy hoạch.

- Xây dựng hệ thống nghĩa trang tập trung cấp xã, thị trấn (1- 2 điểm/xã), vị trí và quy mô sẽ được nghiên cứu trong bước quy hoạch chung xây dựng xã, việc xây dựng nghĩa trang cần quan tâm theo phong tục, tập quán của đồng bào các dân tộc.

- Định hướng giai đoạn đến năm 2045: xây dựng 02 nghĩa trang nhân dân tập trung cấp huyện tại thị trấn Sơn Lư với quy mô khoảng 10ha và tại đô thị Na Mèo với quy mô khoảng 10ha.

### 7. Định hướng bảo vệ môi trường

- Phát triển kinh tế, xã hội, đô thị hóa phải đi đôi với bảo vệ môi trường nhằm mục tiêu phát triển bền vững. Trên cơ sở đó xây dựng các giải pháp, kế hoạch bảo vệ môi trường, bao gồm:

- Phát triển đô thị phải gắn liền với xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ cho các khu dân cư, đô thị tránh phát sinh chất thải ra môi trường.

- Kiểm soát môi trường tại khu kinh tế cửa khẩu, các cụm công nghiệp, các điểm du lịch, các dự án khi triển khai phải đảm bảo đầy đủ các giải pháp bảo vệ môi trường theo quy định, tăng cường giám sát kiểm tra định kỳ.

- Xây dựng chương trình quan trắc, bố trí các điểm quan trắc môi trường nước tại các vị trí nguồn tiếp nhận nước thải, vùng nước biển ven bờ, môi trường đất, không khí tại các khu vực trọng điểm.

### 8. Các dự án ưu tiên đầu tư đến năm 2030

T T	Tên dự án	Vị trí	Quy mô dự kiến	Nguồn vốn	Nhu cầu vốn (Tr. đồng)
<b>I</b>	<b>Nhóm dự án quy hoạch</b>				21.000
1	Lập QHC đô thị Na Mèo	Thị trấn Sơn Lư và xã Na Mèo	12,798 km <sup>2</sup>	Ngân sách	5.000
2	Lập QHC xây dựng các xã	11 xã	11 xã	Ngân sách	4.500
3	Lập QHCT và dự án các Cụm CN	Trung Hạ, Na Mèo, Mường Mìn, Trung Xuân	25 ha	Doanh nghiệp	10.000
4	Lập QHCT các khu dân cư mới	Khu đô thị và các trung tâm cụm xã		Ngân sách	1.500
<b>II</b>	<b>Nhóm dự án hạ tầng kỹ thuật, môi trường</b>				2.510.000
1	Đường giao thông nối từ Quốc lộ 217 đi bản Xa Mang xã Sơn Điện, bản Pa xã Tam Thanh	Xã Sơn Điện, xã Tam Thanh	10 km, đường GT cấp IV-MN	Ngân sách	100.000
2	Cải tạo, nâng cấp Đường tuần tra cơ động kết hợp phát triển KT-XH từ QL217 đi mốc H5	Thị trấn Sơn Lư, Tam Lư, Tam Thanh	18 km, đường GT cấp IV-MN	Ngân sách	180.000
3	Xây dựng mới Đường tuần tra biên giới (từ Na mèo đi ra các mốc 320, 321, 322, 323)	Xã Na mèo, xã Sơn Thủy	13 km, đường GT cấp VI-MN	Ngân sách	100.000
4	Đường giao thông nội vùng Thị trấn Sơn Lư	Thị trấn Sơn Lư	3.5 km, đường GT cấp IV-MN	Ngân sách	80.000
5	Đường giao thông nối từ bản Thủy Thành đi bản Khà- Mùa Xuân, xã Sơn Thủy	Xã Sơn Thủy	8.5 km, đường GT cấp VI-MN	Ngân sách	80.000
6	Cầu cứng bản Hậu, xã Tam Lư	Xã Tam Lư		Ngân sách	55.000
7	Nâng cấp đường GT từ QL217 đi đồn BP Mường Mìn	Xã Mường Mìn	8.6 km, đường GT cấp IV-MN	Ngân sách	60.000

8	Nâng cấp đường giao thông từ QL.217 đi bản Piêng Chang xã Trung Xuân	Xã Trung Xuân, Trung Tiến	8.0 km, đường GT cấp IV-MN	Ngân sách	65.000
9	Nâng cấp đường GT từ xã Sơn Hà đi xã Tam Lư	Xã Sơn Hà, xã Tam Lư	6.5 km, đường GT cấp V-MN	Ngân sách	9.000
10	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường giao thông nối từ QL.16 đi bản Bo Hiềng xã Na Mèo, huyện Quan Sơn	Xã Sơn Thủy, Na Mèo	10.5 km, đường GT cấp IV-MN	Ngân sách	15.000
11	Nâng cấp đường GT từ Km 125 QL217 đi huyện Quan Hóa	Xã Trung Hạ, Trung Xuân	9.0 km, đường GT cấp IV-MN	Ngân sách	12.000
12	Đường từ QL.217 đi bản Tiên xã Lâm Phú, huyện Lang Chánh; bản Cum xã Trung Tiến, huyện Quan Sơn	Xã Trung Tiến	4.5 km, đường GT cấp VI-MN	Ngân sách	35.000
13	Cầu cứng Tam Thanh	xã Tam Thanh		Ngân sách	50.000
14	Đường GT bản Ché Lầu xã Na Mèo đi bản Mùa Xuân xã Sơn Thủy	Xã Sơn Thủy, Na Mèo	9.8 km, đường GT cấp VI-MN	Ngân sách	80.000
15	Kè xử lý cấp bách chống sạt lở bờ sông	Khu vực thị trấn, các xã		Ngân sách	140.000
16	Hệ thống cấp nước và xử lý nước sinh hoạt Thị trấn Sơn Lư	Thị trấn Sơn Lư	2000m <sup>3</sup> /ngày. đ	Ngân sách	49.000
17	Đầu tư xây dựng GD 1 các Nhà máy cấp nước sinh hoạt.	TT Sơn Lư, Mường Min, Na Mèo, Trung Hạ, Tam Thanh, Sơn Thủy		Ngân sách và DN	50.000
18	Xây dựng các nhà máy xử lý nước thải tại các khu đô thị, CCN giai đoạn 1	TT Sơn Lư, Mường Min, Na Mèo, Trung Hạ		Ngân sách và DN	1.000.000
19	Nhà máy xử lý chất thải rắn	Thị trấn Sơn Lư, Na Mèo, Trung Hạ, Tam Thanh, Sơn Điện		Ngân sách, DN	50.000
20	Xây dựng nhà máy thủy điện	Tam Thanh, Sơn Lư		Doanh nghiệp	100.000
21	Tăng cường đầu tư, kiên cố hóa các tuyến giao thông trên địa bàn huyện	Các xã, thị trấn		Ngân sách	100.000

22	Sửa chữa nâng cấp các hồ đập mất an toàn, công trình cấp nước sinh hoạt tập trung	Các xã, thị trấn		Ngân sách	100.000
<b>III</b>	<b>Nhóm dự án hạ tầng XH</b>				986.200
1	Nhà họp khối Huyện ủy - HĐND-UBND huyện	Thị trấn Sơn Lư		Ngân sách	48.000
2	Xây dựng mới Trường TH Tam Thanh	Xã Tam Thanh	6.000m <sup>2</sup>	Ngân sách	38.200
3	Hoàn thiện cơ sở vật chất Trường TH-THCS Trung Xuân	Xã Trung Xuân		Ngân sách	15.000
4	Hoàn thiện cơ sở vật chất Trường THPT Quan Sơn; Trường THCS & THPT Quan Sơn	Thị trấn Sơn Lư, xã Mường Mìn		Ngân sách	70.000
5	Xây dựng mới Trường TH Thị trấn	Thị trấn Sơn Lư	6.000m <sup>2</sup>	Ngân sách	13.000
6	Xây dựng khu du lịch nghỉ dưỡng sinh thái	Xã Sơn Thủy		DN	200.000
7	Xây dựng chợ các xã theo quy hoạch	Các xã		Ngân sách và DN	40.000
8	Sắp xếp, ổn định dân cư khu vực có nguy cơ cao xảy ra lũ ống, lũ quét, sạt lở đất	Các xã, thị trấn		Ngân sách	190.000
9	Nâng cấp Bệnh viện đa khoa huyện Quan Sơn	Thị trấn Sơn Lư		Ngân sách	100.000
10	Nâng cấp, cải tạo, chỉnh trang các trường học trên địa bàn ( <i>ưu tiên các khu lẻ, thay thế các trường tranh tre</i> )	12/12 xã, thị trấn	447 phòng/40 trường (khu)	Ngân sách, DN	120.000
11	Nâng cấp phòng khám đa khoa Na Mèo	xã Na mèo		Ngân sách	25.000
12	Tôn tạo cảnh quan khuôn viên đền thờ Tư Mã Hai Đào	xã Sơn Thủy		Ngân sách	7.000
13	Đầu tư xây dựng hoàn thiện các công trình, thiết chế văn hoá - thể thao cấp huyện, cấp đô thị	12/12 xã, thị trấn		Ngân sách, doanh nghiệp	20.000
14	Đầu tư phát triển du lịch tại các điểm du lịch trên địa bàn huyện	Sơn Thủy, Sơn Điện, Mường Mìn, Thị trấn Sơn Lư, Trung Thượng		Doanh nghiệp	100.000

**Điều 2. Tổ chức thực hiện**

## 1. UBND huyện Quan Sơn có trách nhiệm:

- Phối hợp với đơn vị tư vấn hoàn chỉnh hồ sơ đề xuất bản, đóng dấu, lưu trữ theo quy định.
- Phối hợp với Sở Xây dựng và các đơn vị liên quan tổ chức công bố rộng rãi nội dung quy hoạch được duyệt trong thời gian 15 kể từ ngày quy hoạch được phê duyệt.
- Tổ chức bàn giao hồ sơ, tài liệu quy hoạch cho địa phương và các đơn vị liên quan làm cơ sở để quản lý, tổ chức thực hiện theo quy hoạch được duyệt.
- Tổ chức, chỉ đạo chính quyền địa phương quản lý chặt chẽ, thực hiện đầu tư quỹ đất theo quy hoạch được duyệt.
- Lập chương trình, dự án ưu tiên đầu tư hàng năm và dài hạn, xác định các biện pháp thực hiện quy hoạch xây dựng trên cơ sở huy động mọi nguồn vốn đầu tư trong và ngoài nước bằng các cơ chế chính sách theo quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Sở Xây dựng và các Sở, ngành chức năng liên quan theo chức năng nhiệm vụ của mình có trách nhiệm hướng dẫn, quản lý thực hiện theo quy hoạch và các quy định hiện hành của pháp luật.

**Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.**

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính; Chủ tịch UBND huyện Quan Sơn; Viện trưởng Viện Quy hoạch - Kiến trúc Thanh Hóa và Thủ trưởng các ngành, các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3 Quyết định;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các đ/c Ủy viên UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CN.

H3.(2021)QDPD QH VH Quan Sơn

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Mai Xuân Liêm**